

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **10/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-01-2018
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 ngày 11 tháng 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Kim T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Nhà không số cạnh nhà số 43/2 tổ 4, ấp 2B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trịnh Xuân T1**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Nhà không số cạnh nhà số 43/2 tổ 4, ấp 2B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/4/2017, bản tự khai ngày 10/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Trịnh Xuân T1 tự quen biết, tìm hiểu nhau và bắt đầu chung sống từ năm 2004, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Bà và ông T1 chung sống hạnh phúc được 01 (một) năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì ông T1 là người ham mê cờ bạc, thường xuyên ăn nhậu về đánh mắng vợ con, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau nên bà và ông T1 đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Du N, sinh ngày 17/02/2005. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ Du Na, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông T1 có tài sản chung là nhà không sổ cạnh nhà số 43/2 tổ 4, ấp 2B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá tạm tính 250.000.000 đồng, bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung. Ngày 07/8/2017 bà T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của vợ chồng là để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trịnh Xuân T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Kim T đối với ông Trịnh Xuân T1.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao Trịnh Du N, sinh ngày: 17/02/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Đinh Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Xuân T1. Ông T1 có nơi cư trú tại huyện B nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Bà Đinh Thị Kim T và ông Trịnh Xuân T1 chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151 Quyển số 01/2003 ngày 09/8/2004. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”*

[6] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“....Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[7] Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng hôn nhân cho biết: cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống hàng ngày. Hiện nay bà T và ông T1 vẫn còn chung sống tại địa chỉ tổ 4 ấp 2B, xã A, huyện B nhưng không tiếp xúc, không nói chuyện với nhau, gần như sống ly thân từ hơn 01 (một) năm nay. Giữa bà T và ông T1 có 01 con chung, hiện trẻ Du Na đang được mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T xác nhận bà và ông T1 chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Mặt khác, ông T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa ông T1 và bà T đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1.

[9] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trịnh Du N, sinh ngày 17/02/2005.

[10] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[11] Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đối với trẻ Trịnh Du N thể hiện trẻ N có nguyện vọng sống với bà T, trẻ Du Na cho rằng bà T chăm sóc trẻ tốt hơn ông T1.

[12] Ông T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nêu rõ yêu cầu của bà T, nhưng ông T1 không có văn bản nêu rõ ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T và bà cũng không đến Tòa án tham dự các buổi hòa giải, phiên tòa xét xử mà vắng mặt. Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ N, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[13] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T1.

[14] Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn ngày 05/4/2017 bà T yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất là nhà không số cạnh nhà số 43/2 tổ 4, ấp 2B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/8/2017 bà T có đơn rút yêu cầu tranh chấp tài sản chung đối với ông T1. Tại phiên tòa, bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Ông T1 vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung giữa ông với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà T và ông T1 trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về nợ chung: Bà T xác nhận bà và ông T1 không có nợ chung. Ông T1 vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề nợ chung giữa ông với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà T và ông T1 trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về án phí: Bà Đinh Thị Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Kim T đối với ông Trịnh Xuân T1.

1.1. Bà Đinh Thị Kim T được ly hôn với ông Trịnh Xuân T1.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 151 Quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 09/8/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao trẻ Trịnh Du N, sinh ngày 17/02/2005 cho bà Đinh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T1.

2.2. Ông T1 quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Kim T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.425.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033126 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã C, huyện Đ, (1)
T.Quảng Nam;
- Các đương sự; (3)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Duy Linh